

Số: 18 /LDP-CBTT/2022

TP. Đà Lạt , ngày 07 tháng 3 năm 2022

V/v CBTT Báo cáo tài chính đã
được kiểm toán năm 2021.

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)
2. Mã CK: LDP
3. Địa chỉ trụ sở Công ty: 18 Ngô Quyền , phường 6, thành phố Đà Lạt
4. Điện thoại: 02633 821228 - 02633 824669
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông NGUYỄN MAI LONG – Chức vụ: Tổng Giám đốc
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 và giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế.
7. Địa chỉ Website đăng tải: www.ladophar.com

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu: Phòng KT, VP.HĐQT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MAI LONG

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 36



Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") Số 5800000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 4 tháng 1 năm 2000 và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 29 ngày 8 tháng 12 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã LDP theo Quyết định Số 604/TB-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất đồng dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; xuất nhập khẩu thuốc và dược liệu.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Thành Nhân	Chủ tịch	bổ nhiệm từ ngày 14 tháng 1 năm 2022
Ông Nguyễn Mai Long	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 14 tháng 1 năm 2022
Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 14 tháng 1 năm 2022
Ông Vũ Ngọc Long	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 14 tháng 1 năm 2022
Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 14 tháng 1 năm 2022
Ông Lê Huỳnh Gia Hoàng	Chủ tịch	giữ chức vụ từ ngày 8 tháng 12 năm 2021 đến ngày 14 tháng 1 năm 2022
	Chủ tịch	giữ chức vụ từ ngày 26 tháng 4 năm 2021 đến ngày 5 tháng 7 năm 2021
	Thành viên	giữ chức vụ từ ngày 5 tháng 7 năm 2021 đến ngày 8 tháng 12 năm 2021
Ông Lê Đức Huy	Thành viên	từ ngày 8 tháng 12 năm 2021 đến ngày 14 tháng 1 năm 2022
	Chủ tịch	giữ chức vụ từ ngày 5 tháng 7 năm 2021 đến ngày 8 tháng 12 năm 2021
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Minh Tân	Chủ tịch	giữ chức vụ đến ngày 26 tháng 4 năm 2021
	Thành viên	từ ngày 26 tháng 4 năm 2021 đến ngày 14 tháng 1 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên	từ ngày 26 tháng 4 năm 2021 đến ngày 14 tháng 1 năm 2022
Ông Nguyễn Minh Thắng	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 14 tháng 1 năm 2022
Ông Võ Bình	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2021
Bà Vũ Thu Mươi	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2021
Bà Nguyễn Hoài Thùy Dung	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2021

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Đăng Dân	Trưởng ban	bổ nhiệm từ ngày 14 tháng 1 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Kiều Liên	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 14 tháng 1 năm 2022
Ông Nguyễn Bá Ngọc	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 14 tháng 1 năm 2022
Ông Nguyễn Ái	Trưởng ban	miễn nhiệm từ ngày 14 tháng 1 năm 2022
Ông Vũ Lê Cương	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 14 tháng 1 năm 2022
Bà Bùi Thị Thanh Hòa	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 14 tháng 1 năm 2022

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Mai Long	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm từ ngày 2 tháng 12 năm 2021
Ông Ngô Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm từ ngày 21 tháng 12 năm 2021
Ông Lê Quang Nhuận	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm từ ngày 21 tháng 12 năm 2021
Ông Lê Huỳnh Gia Hoàng	Tổng Giám đốc	giữ chức vụ từ ngày 5 tháng 7 năm 2021 đến ngày 2 tháng 12 năm 2021
Ông Võ Duy Đạo	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữ chức vụ từ ngày 26 tháng 4 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữ chức vụ từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến ngày 2 tháng 12 năm 2021
Ông Huỳnh Tăng Phúc Hậu	Giám Đốc Tài Chính	miễn nhiệm từ ngày 2 tháng 12 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Mai Long	từ ngày 2 tháng 12 năm 2021
Ông Lê Huỳnh Gia Hoàng	từ ngày 30 tháng 6 năm 2021 đến ngày 2 tháng 12 năm 2021
Ông Võ Duy Đạo	từ ngày 11 tháng 11 năm 2020 đến ngày 26 tháng 4 năm 2021
	từ ngày 26 tháng 4 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Mai Long
Tổng Giám đốc

Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 5 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61280354/22630538

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) (“Công ty”) được lập ngày 5 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2018-004-1



Tôn Thiện Bảo Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4177-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 5 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		144.282.833.192	130.076.497.855
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	65.158.556.319	19.162.874.414
111	1. Tiền		12.158.556.319	3.162.874.414
112	2. Các khoản tương đương tiền		53.000.000.000	16.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		24.264.728.202	34.359.744.492
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	26.174.667.201	36.467.702.574
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		545.849.568	122.645.400
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	432.720.998	657.906.083
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(2.888.509.565)	(2.888.509.565)
140	III. Hàng tồn kho	8	54.574.820.287	76.153.362.360
141	1. Hàng tồn kho		54.574.820.287	76.153.362.360
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		284.728.384	400.516.589
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	284.728.384	400.516.589
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		71.638.156.293	87.530.704.930
210	I. Phải thu dài hạn		1.076.331.565	228.222.940
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.076.331.565	228.222.940
220	II. Tài sản cố định		61.458.124.990	79.920.217.075
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	60.717.918.763	75.646.726.347
222	Nguyên giá		128.145.325.977	164.167.553.533
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(67.427.407.214)	(88.520.827.186)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	740.206.227	4.273.490.728
228	Nguyên giá		2.304.153.777	6.425.654.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.563.947.550)	(2.152.163.272)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	2.588.496.670	450.393.046
231	1. Nguyên giá		4.413.401.720	1.124.909.177
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(1.824.905.050)	(674.516.131)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	643.120.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	643.120.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		6.515.203.068	6.288.751.869
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	6.515.203.068	6.288.751.869
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		215.920.989.485	217.607.202.785

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		62.541.255.123	101.197.722.600
310	I. Nợ ngắn hạn		58.482.873.885	94.244.542.560
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	13.964.016.929	40.233.583.576
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		465.495.809	742.667.810
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	7.209.456.801	1.413.453.510
314	4. Phải trả người lao động		817.661.500	2.932.655.229
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.504.061.154	2.599.217.718
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		72.000.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	3.467.188.457	2.058.581.230
320	8. Vay ngắn hạn	17	29.959.897.152	44.223.087.404
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.14	23.096.083	41.296.083
330	II. Nợ dài hạn		4.058.381.238	6.953.180.040
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	1.719.730.000	1.880.730.000
338	2. Vay dài hạn	17	2.338.651.238	5.072.450.040
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		153.379.734.362	116.409.480.185
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	153.379.734.362	115.509.480.185
411	1. Vốn cổ phần		127.031.670.000	127.031.670.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		127.031.670.000	127.031.670.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(320.000)	(320.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.079.988.006	14.079.988.006
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)		12.268.396.356	(25.601.857.821)
421a	- (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(25.601.857.821)	367.520.925
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ) trong năm		37.870.254.177	(25.969.378.746)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	900.000.000
431	1. Nguồn kinh phí		-	900.000.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		215.920.989.485	217.607.202.785

Thủy

Trần Thị Thủy
Người lập

Hiền

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Mai Long
Tổng Giám đốc

Ngày 5 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	162.250.417.952	254.828.262.958
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	(348.045.054)	(2.034.760.705)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	161.902.372.898	252.793.502.253
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(140.677.531.841)	(215.270.218.047)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.224.841.057	37.523.284.206
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31.614.569.902	1.350.301.902
22	7. Chi phí tài chính	22	(3.187.485.097)	(6.595.466.836)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.210.166.219)	(6.444.386.747)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(30.454.010.593)	(41.487.754.777)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(10.559.185.239)	(19.464.088.029)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.638.730.030	(28.673.723.534)
31	11. Thu nhập khác	24	32.120.637.526	3.297.796.632
32	12. Chi phí khác		(38.626.650)	(553.420.529)
40	13. Lợi nhuận khác		32.082.010.876	2.744.376.103
50	14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		40.720.740.906	(25.929.347.431)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(2.850.486.729)	(40.031.315)
60	16. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		37.870.254.177	(25.969.378.746)
70	17. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	18.5	2.981	(2.826)
71	18. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	18.5	2.981	(2.826)


Trần Thị Thủy
Người lập


Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng


Nguyễn Mai Long
Tổng Giám đốc



Ngày 5 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		40.720.740.906	(25.929.347.431)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	10, 11, 12	11.741.786.856	12.218.132.549
03	Dự phòng		-	2.888.509.565
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(4.762.275)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(32.236.933.104)	(293.029.877)
06	Chi phí lãi vay	22	2.210.166.219	6.444.386.747
07	Điều chỉnh khác		-	(2.758.135.139)
08	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		22.435.760.877	(7.434.245.861)
09	Giảm các khoản phải thu		12.793.656.918	17.952.717.861
10	Giảm hàng tồn kho		21.578.542.073	18.467.273.940
11	Giảm các khoản phải trả		(24.596.920.985)	(39.413.620.539)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(110.662.994)	4.144.484.468
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.105.010.386)	(6.424.052.445)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	3.843.029.890
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(918.200.000)	(69.158.718)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		29.077.165.503	(8.933.571.404)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(7.685.303.411)	(829.592.727)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		41.370.779.000	2.509.090.909
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	5.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		230.029.867	756.093.678
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		33.915.505.456	2.440.591.860
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	18.1	-	48.732.090.000
33	Tiền thu từ đi vay	17	77.270.752.270	138.531.551.306
34	Tiền trả nợ gốc vay	17	(94.267.741.324)	(189.895.711.992)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào từ hoạt động tài chính		(16.996.989.054)	(2.632.070.686)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		45.995.681.905	(9.125.050.230)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		19.162.874.414	28.283.162.369
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	4.762.275
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	65.158.556.319	19.162.874.414

Thủy

Trần Thị Thủy
Người lập

Hiền

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Long
Nguyễn Mai Long
Tổng Giám đốc



Ngày 5 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5800000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 4 tháng 1 năm 2000 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 29 ngày 8 tháng 12 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 604/TB-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất đông dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; xuất nhập khẩu thuốc và dược liệu.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 215 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 274).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập các báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa và thành phẩm - chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	32 - 42 năm
Phần mềm máy tính	6 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	42 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.11 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho [năm tài chính] khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.18 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất đồng dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty.

Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về hàng hóa và dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất đồng dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế và một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	39.619.000	20.956.000
Tiền gửi ngân hàng	12.118.937.319	3.141.918.414
Các khoản tương đương tiền (*)	53.000.000.000	16.000.000.000
TỔNG CỘNG	65.158.556.319	19.162.874.414

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng có thời hạn gốc một tháng và hưởng lãi suất 3%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng		
Công ty TNHH Indico	3.750.337.320	4.684.993.627
Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng	2.649.943.527	4.457.821.209
Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng II	1.355.225.092	2.573.297.755
Khác	9.580.725.158	24.751.589.983
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	8.838.436.104	-
TỔNG CỘNG	26.174.667.201	36.467.702.574
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.888.509.565)	(2.888.509.565)
GIÁ TRỊ THUẦN	23.286.157.636	33.579.193.009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	107.308.467	589.867.455
Đặt cọc	225.000.000	-
Khác	100.412.531	68.038.628
	<u>432.720.998</u>	<u>657.906.083</u>
Dài hạn		
Đặt cọc	1.076.331.565	228.222.940
TỔNG CỘNG	<u>1.509.052.563</u>	<u>886.129.023</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	30.364.395.144	44.616.987.820
Nguyên liệu, vật liệu	10.530.785.946	15.284.830.873
Hàng hóa	11.389.510.932	13.439.336.958
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.790.118.823	2.066.348.767
Công cụ, dụng cụ	442.018.103	585.464.651
Hàng mua đang đi đường	57.991.339	93.262.600
Hàng gửi đi bán	-	67.130.691
TỔNG CỘNG	<u>54.574.820.287</u>	<u>76.153.362.360</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	21.987.607	136.915.682
Khác	262.740.777	263.600.907
	<u>284.728.384</u>	<u>400.516.589</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	2.758.209.448	970.054.060
Chi phí thuê trả trước	2.200.500.590	2.306.698.314
Chi phí đầu tư ban đầu nhà máy Phú Hội	499.358.284	580.382.863
Chi phí bảo trì và sửa chữa	442.750.102	1.107.336.049
Chuyển giao công nghệ	427.777.777	1.086.544.786
Khác	186.606.867	237.735.797
	<u>6.515.203.068</u>	<u>6.288.751.869</u>
TỔNG CỘNG	<u>6.799.931.452</u>	<u>6.689.268.458</u>

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng (Ladophar)

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số đầu năm	62.112.130.926	92.221.818.987	9.305.146.938	528.456.682	164.167.553.533
Mua mới trong năm	198.526.000	289.500.000	1.263.527.273	-	1.751.553.273
Thanh lý	-	(37.181.983.286)	-	-	(37.181.983.286)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(591.797.543)	-	-	-	(591.797.543)
Số cuối năm	61.718.859.383	55.329.335.701	10.568.674.211	528.456.682	128.145.325.977
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	9.381.034.959	8.704.534.759	4.913.191.120	206.818.500	23.205.579.338
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(26.824.177.426)	(54.091.015.157)	(7.258.581.120)	(347.053.483)	(88.520.827.186)
Khấu hao trong năm	(3.703.794.769)	(6.878.768.716)	(639.770.293)	(64.327.632)	(11.286.661.410)
Thanh lý	-	31.788.283.870	-	-	31.788.283.870
Chuyển sang bất động sản đầu tư	591.797.512	-	-	-	591.797.512
Số cuối năm	(29.936.174.683)	(29.181.500.003)	(7.898.351.413)	(411.381.115)	(67.427.407.214)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	35.287.953.500	38.130.803.830	2.046.565.818	181.403.199	75.646.726.347
Số cuối năm	31.782.684.700	26.147.835.698	2.670.322.798	117.075.567	60.717.918.763
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 17)</i>	-	3.667.343.644	907.533.373	-	4.574.877.017

Như được trình bày trong *Thuyết minh số 17*, Công ty đã thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	4.285.284.000	2.140.370.000	6.425.654.000
Thanh lý	(1.424.805.223)	-	(1.424.805.223)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.696.695.000)	-	(2.696.695.000)
Số cuối năm	<u>163.783.777</u>	<u>2.140.370.000</u>	<u>2.304.153.777</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã hao mòn hết	153.763.777	824.100.000	977.863.777
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(1.047.086.831)	(1.105.076.441)	(2.152.163.272)
Hao mòn trong năm	(105.021.750)	(305.107.332)	(410.129.082)
Thanh lý	484.749.761	-	484.749.761
Chuyển sang bất động sản đầu tư	513.595.043	-	513.595.043
Số cuối năm	<u>(153.763.777)</u>	<u>(1.410.183.773)</u>	<u>(1.563.947.550)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>3.238.197.169</u>	<u>1.035.293.559</u>	<u>4.273.490.728</u>
Số cuối năm	<u>10.020.000</u>	<u>730.186.227</u>	<u>740.206.227</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 17)	10.020.000	-	10.020.000

Như được trình bày trong *Thuyết minh số 17*, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	-	1.124.909.177	1.124.909.177
Chuyển từ tài sản cố định	2.696.695.000	591.797.543	3.288.492.543
Số cuối năm	<u>2.696.695.000</u>	<u>1.716.706.720</u>	<u>4.413.401.720</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	(674.516.131)	(674.516.131)
Hao mòn trong kỳ	-	(44.996.364)	(44.996.364)
Chuyển từ tài sản cố định	(513.595.043)	(591.797.512)	(1.105.392.555)
Số cuối năm	<u>(513.595.043)</u>	<u>(1.311.310.007)</u>	<u>(1.824.905.050)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	-	450.393.046	450.393.046
Số cuối năm	<u>2.183.099.957</u>	<u>405.396.713</u>	<u>2.588.496.670</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 17)</i>	2.183.099.957	405.396.682	2.588.496.639

Như được trình bày trong *Thuyết minh số 17*, Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	1.869.527.272	1.865.967.273
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	157.762.610	44.996.364

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá trị thị trường, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang tại Bình Thuận	1.999.255.151	2.248.923.593
Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	736.859.223	2.951.075.910
Khác	11.227.902.555	35.033.584.073
TỔNG CỘNG	<u>13.964.016.929</u>	<u>40.233.583.576</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	1.092.966.060	9.174.830.935	(6.082.511.226)	4.185.285.769
Thuế thu nhập cá nhân	320.487.450	683.130.932	(829.934.079)	173.684.303
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.850.486.729	-	2.850.486.729
Thuế khác	-	303.951.538	(303.951.538)	-
TỔNG CỘNG	<u>1.413.453.510</u>	<u>13.012.400.134</u>	<u>(7.216.396.843)</u>	<u>7.209.456.801</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lương hiệu quả	1.826.316.177	-
Chi phí bán hàng	190.791.871	1.698.047.309
Khác	486.953.106	901.170.409
TỔNG CỘNG	<u>2.504.061.154</u>	<u>2.599.217.718</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Ngắn hạn		
Tạm ứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	2.241.251.252	-
Cổ tức phải trả	89.663.784	89.663.784
Kinh phí công đoàn	65.940.000	519.169.560
Khác	<u>1.070.333.421</u>	<u>1.449.747.886</u>
	<u>3.467.188.457</u>	<u>2.058.581.230</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	496.500.000	532.500.000
Trung tâm Khuyến công Tỉnh Lâm Đồng	-	125.000.000
Khác	<u>1.223.230.000</u>	<u>1.223.230.000</u>
	<u>1.719.730.000</u>	<u>1.880.730.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.186.918.457</u>	<u>3.939.311.230</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại lại	VND Số cuối năm
Ngắn hạn					
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	40.500.125.052	77.270.752.270	(90.399.291.472)		27.371.585.850
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	3.722.962.352	-	(3.868.449.852)	2.733.798.802	2.588.311.302
	<u>44.223.087.404</u>	<u>77.270.752.270</u>	<u>(94.267.741.324)</u>	<u>2.733.798.802</u>	<u>29.959.897.152</u>
Dài hạn					
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.2)	5.072.450.040	-	-	(2.733.798.802)	2.338.651.238
TỔNG CỘNG	<u>49.295.537.444</u>	<u>77.270.752.270</u>	<u>(94.267.741.324)</u>	<u>-</u>	<u>32.298.548.390</u>

17.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	<u>27.371.585.850</u>	Từ ngày 24 tháng 3 năm 2022 đến ngày 10 tháng 8 năm 2022	5,5 - 6,5	Bổ sung vốn lưu động	Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất và bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 10, 11 và 12)

17.2 Vay ngân hàng dài hạn

	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	<u>4.926.962.540</u>	Từ ngày 28 tháng 2 năm 2022 đến ngày 26 tháng 4 năm 2024	9,5 - 10	Mua sắm máy móc, thiết bị cho nhà máy Phú Hội	Máy móc thiết bị tại nhà máy Phú Hội (Thuyết minh số 10)

Trong đó:

Vay dài hạn	2.338.651.238
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.588.311.302

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	VND				
	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Lỗ lũy kế)	Tổng cộng
Năm trước:					
Số đầu năm	78.299.580.000	(320.000)	14.079.988.006	367.520.925	92.746.768.931
Phát hành cổ phiếu	48.732.090.000	-	-	-	48.732.090.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(25.969.378.746)	(25.969.378.746)
Số cuối năm	<u>127.031.670.000</u>	<u>(320.000)</u>	<u>14.079.988.006</u>	<u>(25.601.857.821)</u>	<u>115.509.480.185</u>
Năm nay:					
Số đầu năm	127.031.670.000	(320.000)	14.079.988.006	(25.601.857.821)	115.509.480.185
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	37.870.254.177	37.870.254.177
Số cuối năm	<u>127.031.670.000</u>	<u>(320.000)</u>	<u>14.079.988.006</u>	<u>12.268.396.356</u>	<u>153.379.734.362</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>127.031.670.000</u>	<u>127.031.670.000</u>

18.3 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	
	Số tiền	% sở hữu
	VND	%
Công ty Cổ phần Louis Holdings	13.202.250.000	10,39
Công ty Cổ phần Louis Capital	13.000.000.000	10,23
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	6.425.000.000	5,06
Khác	<u>94.404.420.000</u>	<u>74,32</u>
TỔNG CỘNG	<u>127.031.670.000</u>	<u>100,00</u>

18.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	12.703.167	12.703.167
Cổ phiếu đã phát hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.703.167	12.703.167
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(32)	(32)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.703.135	12.703.135

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.5 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế (VND)	37.870.254.177	(25.969.378.746)
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	37.870.254.177	(25.969.378.746)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.703.135	9.188.033
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu và lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>2.981</u>	<u>(2.826)</u>

Không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm tàng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	162.250.417.952	254.828.262.958
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	87.655.976.661	172.267.596.235
Doanh thu bán thành phẩm	72.662.817.793	80.250.641.606
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.931.623.498	2.310.025.117
Hàng bán bị trả lại	(348.045.054)	(2.034.760.705)
<i>Trong đó:</i>		
Hàng hóa	(288.034.019)	(423.964.837)
Thành phẩm	(60.011.035)	(1.610.795.868)
Doanh thu thuần	161.902.372.898	252.793.502.253
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	87.367.942.642	171.843.631.398
Doanh thu bán thành phẩm	72.602.806.758	78.639.845.738
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.931.623.498	2.310.025.117

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn hàng hóa	80.528.594.807	158.899.831.972
Giá vốn thành phẩm	59.964.089.424	55.989.817.071
Giá vốn dịch vụ cung cấp	184.847.610	380.569.004
TỔNG CỘNG	140.677.531.841	215.270.218.047

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh		
đầu tư chứng khoán	31.345.950.500	-
Lãi tiền gửi	230.029.867	719.913.078
Chiết khấu thanh toán	38.589.535	589.445.949
Khác	-	40.942.875
TỔNG CỘNG	<u>31.614.569.902</u>	<u>1.350.301.902</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.210.166.219	6.444.386.747
Chiết khấu thanh toán	977.252.203	150.976.779
Khác	66.675	103.310
TỔNG CỘNG	<u>3.187.485.097</u>	<u>6.595.466.836</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	17.774.149.022	20.514.399.450
Chi phí tiếp thị và quảng cáo	5.183.311.705	11.097.796.306
Chi phí đi thuê	1.471.680.588	2.107.348.683
Chi phí vận chuyển, bốc vác hàng	291.009.933	928.550.977
Khác	5.733.859.345	6.839.659.361
	<u>30.454.010.593</u>	<u>41.487.754.777</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	5.760.365.861	9.518.477.666
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	2.907.988.629
Khác	4.798.819.378	7.037.621.734
	<u>10.559.185.239</u>	<u>19.464.088.029</u>
TỔNG CỘNG	<u>41.013.195.832</u>	<u>60.951.842.806</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý máy móc thiết bị	17.655.208.812	-
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	14.279.077.254	-
Khác	186.351.460	3.297.796.632
TỔNG CỘNG	32.120.637.526	3.297.796.632
<i>Trong đó</i>		
<i>Thu nhập từ các bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh số 27)</i>	37.324.681.098	-
<i>(Chi phí) thu nhập từ các bên khác</i>	(5.204.043.571)	3.297.796.632

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	80.713.442.417	158.899.831.972
Chi phí nguyên vật liệu	40.783.266.914	63.334.871.563
Chi phí nhân viên	37.145.883.256	49.322.884.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.643.713.511	18.686.998.352
Chi phí khấu hao và hao mòn	11.741.786.856	
<i>(Thuyết minh số 10, 11 và 12)</i>		12.188.924.185
Khác	5.845.228.984	15.235.078.402
TỔNG CỘNG	190.873.321.938	317.668.588.515

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Ngoài ra, đối với dự án Phú Hội, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20%, Công ty được miễn thuế TNDN cho các hoạt động kinh doanh trong bốn năm (4 năm) tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2015), và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN được áp dụng trong chín năm (9 năm) tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>2.850.486.729</u>	<u>40.031.315</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay			VND
	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính	Hoạt động bất động sản	Tổng cộng	Năm trước
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	<u>26.468.307.262</u>	<u>14.252.433.644</u>	<u>40.720.740.906</u>	<u>(25.929.347.431)</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	5.293.661.452	2.850.486.729	8.144.148.181	(5.185.869.487)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>				
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.219.252.771	-	2.219.252.771	1.454.155.162
Lỗ thuế năm trước chuyển sang	(7.416.117.670)	-	(7.416.117.670)	-
Thu nhập không tính thuế	-	-	-	(558.863.148)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	-	-	40.031.315
Chênh lệch tạm thời	(96.796.553)	-	(96.796.553)	(96.796.553)
Lỗ thuế	-	-	-	4.387.374.026
Chi phí thuế TNDN	-	<u>2.850.486.729</u>	<u>2.850.486.729</u>	<u>40.031.315</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) của Công ty khác với thu nhập (lỗ) được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế) không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

26.3 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm năm (5 năm) kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 9.104.325.104 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 41.317.164.504 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
2018	2023	18.679.847.832 (i)	18.679.847.832	-	-
2019	2024	700.446.550 (i)	700.446.550	-	-
2020	2025	21.936.870.122 (ii)	17.700.293.968	-	4.236.576.154
TỔNG CỘNG		41.317.164.504	37.080.588.350	-	4.236.576.154

(i) Lỗ tính thuế theo biên bản thanh tra thuế đến năm 2019.

(ii) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Quản Lý Và Khai Thác Tài Sản Louis AMC	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Thu nhập từ thanh lý máy móc thiết bị	17.635.208.812	-
Công ty Cổ phần Louis Land	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Thu nhập từ nhượng quyền sử dụng đất Bán hàng	19.689.472.286 102.528.228	- -
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng	887.417.554	-
Công ty Cổ phần Sametel	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng	419.828.370	-
Công ty Cổ phần Louis Holdings	Cùng thành viên quản lý chủ chốt Cổ đông lớn	Bán hàng	301.949.853	-
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng	121.012.345	-
Công ty Cổ phần Giao thông Long An	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng	70.335.822	-
Công ty TNHH MTV Louis Rice Đồng Tháp	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng	68.077.572	-
Chi nhánh Miền Bắc Công ty Cổ phần Louis Holdings	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng	51.823.162	-
Công ty Cổ phần Louis Capital	Cùng thành viên quản lý chủ chốt Cổ đông lớn	Bán hàng	46.156.588	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Quản Lý Và Khai Thác Tài Sản Louis AMC	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Thu nhập từ thanh lý máy móc thiết bị	6.796.129.775	-
Công ty Cổ phần Louis Land	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng	102.528.228	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng	887.417.554	-
Công ty Cổ phần Sametel	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng	419.828.370	-
Công ty Cổ phần Louis Holdings	Cùng thành viên quản lý chủ chốt Cổ đông lớn	Bán hàng	301.949.853	-
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng	121.012.345	-
Công ty Cổ phần Giao thông Long An	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng	70.335.822	-
Công ty TNHH MTV Louis Rice Đồng Tháp	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng	68.077.572	-
Công ty Cổ phần Louis Capital	Cùng thành viên quản lý chủ chốt Cổ đông lớn	Bán hàng	46.156.588	-
Chi nhánh Miền Bắc Công ty Cổ phần Louis Holdings	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng	24.999.997	-
			8.838.436.104	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát (“BKS”) và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Lê Huỳnh Gia Hoàng	Chủ tịch HĐQT cho đến ngày 14 tháng 1 năm 2022	51.200.000	-
Ông Lê Đức Huy	Thành viên cho đến ngày 14 tháng 1 năm 2022	38.400.000	-
Ông Nguyễn Minh Tân	Thành viên cho đến ngày 14 tháng 1 năm 2022	38.400.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên cho đến ngày 14 tháng 1 năm 2022	38.400.000	-
Ông Nguyễn Minh Thắng	Thành viên cho đến ngày 14 tháng 1 năm 2022	57.600.000	417.992.188
Các thành viên đã miễn nhiệm Ông Nguyễn Ái	HĐQT Trưởng BKS cho đến ngày 14 tháng 1 năm 2022	64.000.000	2.527.905.385
Ông Vũ Lê Cường	Thành viên BKS cho đến ngày 14 tháng 1 năm 2022	57.600.000	53.400.000
Bà Bùi Thị Thanh Hòa	Thành viên BKS cho đến ngày 14 tháng 1 năm 2022	24.000.000	21.000.000
Các thành viên đã miễn nhiệm	BKS	-	81.870.000
Ông Nguyễn Mai Long	Tổng Giám đốc	95.238.095	-
Các thành viên đã miễn nhiệm	Tổng Giám đốc	76.505.000	365.056.141
Ông Ngô Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc	19.405.238	-
Ông Lê Quang Nhuận	Phó Tổng Giám đốc	15.873.016	-
Các thành viên đã miễn nhiệm	Phó Tổng Giám đốc	155.424.095	838.515.114
TỔNG CỘNG		756.045.444	4.326.738.828

28. THUÊ HOẠT ĐỘNG

28.1 Thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	2.256.345.117	1.666.806.124
Từ 1 đến 5 năm	8.410.230.583	2.269.516.220
Trên 5 năm	2.415.419.845	2.573.910.691
TỔNG CỘNG	13.081.995.545	6.510.233.035

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUÊ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

28.2 Cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	2.468.400.000	2.136.921.600
Từ 1 đến 5 năm	11.286.000.000	8.094.900.000
Trên 5 năm	132.000.000	1.716.000.000
TỔNG CỘNG	13.886.400.000	11.947.821.600

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (USD)	554,95	179,35

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Thủy

Trần Thị Thủy
Người lập

Nguyễn Mai Long

Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Long
Tổng Giám đốc



Ngày 5 tháng 3 năm 2022

Số: 98/CV-TCKT/2022
(V/v: Giải trình chênh lệch)

Đà Lạt, ngày 05 tháng 03 năm 2022

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC (SSC)
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)
- CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Công ty CP Dược Lâm Đồng (Ladophar) giải trình nguyên nhân liên quan đến chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; và Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo chuyển từ lỗ ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lãi ở kỳ này tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 đã được công ty công bố thông tin, như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Thay đổi
LNST	37.870.254.177	(25.969.378.746)	245,8%

Nguyên nhân:

- + Công ty tiết giảm 35% các khoản chi phí hoạt động và chi phí tài chính so cùng kỳ tương ứng giảm 23,35 tỷ đồng.
- + Doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh, chủ yếu tăng từ hoạt động đầu tư tài chính 31,34 tỷ đồng.
- + Thu nhập khác tăng chủ yếu do chuyển nhượng tài sản và thanh lý các máy móc thiết bị 31,91 tỷ đồng.

Công ty Cổ Phần Dược Lâm Đồng (Ladophar) cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận

- Như trên
- Lưu TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN MAI LONG